

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-PT  
Ngày: 06/4/2018  
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hữu Giàu

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Hoàng Vũ

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Ông Vũ Hồng Thanh, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT- KDTM, ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2017/KDTM-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2018/QĐXX-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Quỹ tín dụng nhân dân A.

Trụ sở: Số 1234A đường T, phường A, thành phố L, tỉnh AG.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ngọc H – Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - Nhân viên Quỹ tín dụng nhân dân A (theo Giấy ủy quyền ngày 11 tháng 4 năm 2017). (có mặt)

**2. Bị đơn:**

- Ông Phạm Thành B, sinh năm 1946 – Chủ hộ kinh doanh cá thể Phạm Thành B. (có mặt)

Địa chỉ: Số 1234 đường K, phường A, thành phố L, tỉnh AG.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 16/5 đường T, phường A, thành phố L, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: Ông Phạm Thành B, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số 1234 đường K, phường A, thành phố L, tỉnh AG (theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 9 năm 2017). (có mặt)

**4. Người kháng cáo:** ông Phạm Thành B, bà Trần Thị T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2017, Quỹ tín dụng nhân dân A do bà Nguyễn Ngọc H đại diện trình bày:**

Ông Phạm Thành B (sau đây gọi tắt là ông B) và bà Trần Thị T (sau đây gọi tắt là bà T) có vay số tiền 120.000.000đ của Quỹ tín dụng nhân dân A, thỏa thuận như sau: Thời hạn 12 tháng; Mức lãi suất trong hạn là 2%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Kỳ hạn trả nợ: Trả vốn cuối kỳ, trả lãi theo tháng.

Tài sản thế chấp: Diện tích 2.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01300.QSĐĐ/LA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T; Diện tích 106,9m<sup>2</sup> đất ở nông thôn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T.

Ông B và bà T không trả vốn và lãi theo hợp đồng thỏa thuận. Đến ngày 11/4/2017, ông B và bà T còn nợ vốn là 120.000.000đ và nợ lãi là 212.080.000đ.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu ông B và bà T có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng vốn và lãi là 332.080.000đ; Ông B và bà T tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi tất toán nợ.

**Theo biên bản hòa giải ngày 29 tháng 9 năm 2017, bị đơn ông Phạm Thành B, ông Phạm Thành B đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T trình bày:**

Ngày 18/01/2012, ông và bà T có vay 120.000.000đ của Quỹ tín dụng nhân dân A theo hợp đồng tín dụng số: TC 00100169/HĐTD ngày 18/01/2012. Bảng Hợp đồng tín dụng giao cho ông không có chữ ký của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân A.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 2.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại địa chỉ: phường Mỹ Quý, thành phố L, tỉnh AG và quyền sử dụng đất diện tích 106,9m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại địa chỉ: ấp HP, thị trấn An Châu, huyện CT, tỉnh AG, nhưng Quỹ tín dụng nhân dân A không giao hợp đồng thế chấp cho ông.

Sau khi vay, ông có trả lãi một tháng thì ngưng đến nay.

Nay còn nợ vốn là 120.000.000đ và nợ lãi trong hạn, mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: TC00100169/HĐTD ngày 18/01/2012.

Nhưng hoàn cảnh ông và bà T đang khó khăn, không khả năng trả nợ, nên ông và bà T yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân A xem xét giảm lãi trong hạn và xin xóa lãi quá hạn, vì hợp đồng có ghi nhận mức lãi tăng giảm theo từng thời điểm.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân A trình bày:

+ Theo hợp đồng tín dụng đã ký, ông B là người vay tiền; Bà T là người thừa kế. Do đó, bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông B trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân A.

+ Sau khi vay, ông B có trả lãi được một tháng thì ngưng đến nay, nên nợ lãi trong hạn từ ngày 18/02/2012 đến ngày 18/01/2013 là 26.800.000đ, Quỹ tín dụng nhân dân A không đồng ý xóa nợ lãi trong hạn, nhưng có xem xét giảm nợ lãi quá hạn, cụ thể: Quá hạn từ ngày 18/01/2013 đến nay ngày 07/12/2017 là 1.784 ngày, Quỹ tín dụng nhân dân A đồng ý tính bằng mức lãi suất trong hạn là 2%/tháng, với số tiền lãi quá hạn là 142.720.000đ, nhưng Quỹ tín dụng nhân dân A tự nguyện giảm 30% nợ lãi quá hạn ( $142.720.000đ \times 30\% = 42.816.000đ$ ), nên nợ lãi quá hạn giảm còn 99.904.000đ ( $142.720.000đ - 42.816.000đ$ ). Tổng cộng nợ lãi trong hạn và quá hạn là 126.704.000đ.

+ Tại phiên tòa hôm nay, Quỹ tín dụng nhân dân A rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

+ Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu ông B và bà T liên đới nghĩa vụ trả vốn gốc 120.000.000đ và lãi là 126.704.000đ, tổng cộng là 246.704.000đ; Yêu cầu ông B và bà T tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

+ Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không có công chứng, chứng thực, Quỹ tín dụng nhân dân A đang giữ 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01300.QSDĐ/LA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005. Nay tùy Tòa án giải quyết hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông B và ông B đại diện của bà T trình bày:

+ Ông không có yêu cầu phản tố. Nhưng ông có yêu cầu Quỹ tín dụng nhân dân A xem xét xóa nợ lãi quá hạn.

+ Có hai lý do ông yêu cầu xóa nợ lãi quá hạn: Do bản hợp đồng tín dụng giao cho ông giữ có đóng dấu của Quỹ tín dụng nhân dân A, nhưng không có chữ ký của Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân A nên hợp đồng tín dụng giữa ông với Quỹ tín dụng nhân dân A lập ngày 18/01/2012 không có giá trị pháp lý; Hoàn cảnh ông hiện nay đang khó khăn về kinh tế nên không khả năng trả nợ lãi quá hạn.

+ Nay ông đồng ý trả nợ vốn gốc là 120.000.000đ và trả nợ lãi trong hạn là 26.800.000đ, tổng cộng là 146.800.000đ.

+ Ông và bà T không đồng ý Quỹ tín dụng nhân dân A yêu cầu bà T có nghĩa vụ liên đới với ông. Ông tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân A, vì bà T ký tên trong hợp đồng tín dụng là người thừa kế, không phải là người vay. Người thừa kế chỉ có nghĩa vụ trả nợ khi người vay không còn sống.

+ Quỹ tín dụng nhân dân A nhận thế chấp quyền sử dụng đất nhưng công chứng, chứng thực hợp đồng thế chấp, không giao cho ông bản hợp đồng thế chấp là không đúng quy định của pháp luật. Nay ông yêu cầu trả lại cho ông 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01300.QSDĐ/IA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005 để ông chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tiền thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân A.

Tại bản án sơ thẩm số 13/2017/KDTM-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh AG xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A về tiền lãi.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A đối với bị đơn bà Trần Thị T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A đối với bị đơn ông Phạm Thành B.

- Buộc ông Phạm Thành B có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A vốn gốc 120.000.000đ và lãi 126.704.000đ, tổng cộng là 246.704.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng).

- Buộc Quỹ tín dụng nhân dân A có nghĩa vụ trả lại ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T hai bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01300.QSDĐ/IA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T.

- Ông Phạm Thành B có nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: TC 00100169/HĐTD ngày 18/01/2012.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2017/KDTM-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh AG, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Hợp đồng tín dụng số TC00100169/HĐTD ngày 18/01/2012, vô hiệu vì bản hợp đồng giao cho ông (Bên B) không có bên Quỹ tín dụng (Bên A) ký tên, kéo dài thời gian 05 năm mới khởi kiện, xin xem xét hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử,

quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về hình thức:* Đơn kháng cáo của ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân A không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

[2]. *Về nội dung:*

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 18/01/2012, hai bên có ký hợp đồng tín dụng số: TC 00100169/HĐTD và thống nhất ký kết các điều khoản trong hợp đồng để nhận vay số tiền 120.000.000 đồng lãi trong hạn 2% lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và hai bên thống nhất ông B có trả lãi được 01 tháng thì ngưng đến nay.

Khi vay ông B có thể chấp 02 giấy chứng nhận QSDĐ số 01300.QSDĐ/1A do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005 nhưng không có công chứng chứng thực khi vay.

Tuy nhiên ông B, bà T cho rằng hợp đồng tín dụng mà Quỹ tín dụng nhân dân A giao cho ông không có chữ ký của giám đốc nên vô hiệu. Nay ông xin trả số vốn 120.000.000 đồng là lãi trong hạn là 26.800.000đ, tổng cộng vốn lãi là 146.800.000đ. Đối lãi quá hạn ông xin không phải tính vì hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn.

Thấy rằng ông B có ký kết hợp đồng tín dụng và thống nhất các điều khoản của hợp đồng, có thể chấp tài sản để đảm bảo vốn vay và đã nhận số tiền vay 120.000.000 đồng. Việc hợp đồng tín dụng không có chữ ký của Giám đốc Quỹ tín dụng. Theo lời giải trình của đại diện Quỹ tín dụng là do lỗi tác nghiệp (vì hợp đồng tín dụng lưu giữ tại Quỹ tín dụng có chữ ký của giám đốc), không ảnh hưởng đến nội dung hợp đồng tín dụng.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm Quỹ tín dụng đã có xem xét giảm lãi như: Lãi quá hạn tính như lãi trong hạn và giảm 30% của số lãi này là đã tạo điều kiện để cho ông trả nợ.

Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về nghĩa vụ trả nợ của bà T và tài sản thế chấp trong hợp đồng tín dụng. Nhưng phần này các đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những phân tích trên không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng cáo của ông B, bà T cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2017/KDTM-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh AG xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A về tiền lãi.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A đối với bị đơn bà Trần Thị T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân A đối với bị đơn ông Phạm Thành B.

- Buộc ông Phạm Thành B có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân A vốn gốc 120.000.000đ và lãi 126.704.000đ, tổng cộng là 246.704.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng).

- Buộc Quỹ tín dụng nhân dân A có nghĩa vụ trả lại ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T hai bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01300.QSĐĐ/1A do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 20/10/2004 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00011/aG do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 21/3/2005 cho ông Phạm Thành B và bà Trần Thị T.

- Ông Phạm Thành B có nghĩa vụ trả lãi phát sinh kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: TC 00100169/HĐTD ngày 18/01/2012.

Về án phí:

- Ông Phạm Thành B được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm.

- Quỹ tín dụng nhân dân A được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 8.302.000đ theo Biên lai thu số 0015406 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Hữu Giàu**